TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02 /2019/HNGĐ-PT
Ngày: 07 – 01 – 2019
Về việc chia tài sản sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dễ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2018/TLPT- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 về việc chia tài sản sau ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 73/2013/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 323/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Y, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh C,

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn N1, sinh năm 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh C,

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C,

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1954 (Vắng mặt)
2. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1938 (Vắng mặt)
3. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1955 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh C,

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Y, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bà Trần Thị Y trình bày:

Tài sản chung của bà Y và ông N1 có một căn nhà tường xây dựng cách nay hơn 10 năm có giá trị hiện tại 70.000.000 đồng, hiện bà Y đang quản lý; 01 cây nước khoan có giá trị 2.000.000 đồng; 01 nhà vệ sinh có giá trị 2.300.000 đồng. Tổng cộng căn nhà, cây nước khoan và nhà vệ sinh có giá trị 74.300.000 đồng. Bà Y yêu cầu chia đôi số tài sản trên, bà đồng ý giao toàn bộ tài sản cho ông N1 và yêu cầu chia ½ giá trị tài sản 37.150.000 đồng.

Ngoài ra, bà Y và ông N1 còn có một phần đất diện tích 9.480m^2 tọa lạc tại Ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh C, Bà Y cho rằng nguồn gốc đất này là do bà Y và ông N1 mua của ông Lê Văn Th vào năm 1991 với giá là 50 giạ lúa, giao lúa không đủ cho ông Th nên mới cố phần đất này cho ông M và ông Bảy Đồng Tháp với giá 60 chỉ vàng 24k và 20 giạ lúa, sau này ông bà mới chuộc đất lại. Phần đất này hiện nay ông N1 đang đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ, bà Y và ông N1 canh tác trên đất từ năm 1991 đến nay. Nay bà Y yêu cầu chia đôi phần đất trên, bà Y đồng ý giao đất cho ông N1 sử dụng bà nhận ½ giá trị của phần đất 30.000.000 đồng/ công tầm lớn 1.296m^2

Về nợ chung: Bà Y và ông N1 có thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ vay ngân hàng NN&PT nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cái Nước số tiền vốn 21.500.000đ vào năm 2000. Bà Y yêu cầu chia đôi số nợ trên.

- Theo ông Lê Văn N1 trình bày:

Về tài sản chung: Ông N1 và bà Y có một căn nhà, một cây nước khoan và 01 nhà vệ sinh xây năm 1997, hiện nay giá trị còn lại là 40.000.000đồng. Ông N1 yêu cầu nhận tài sản và giao bà Y ½ giá trị là 20.000.000đồng. Nếu bà Y nhận căn nhà, cây nước và nhà vệ sinh thì giao lại cho ông N1 20.000.000đồng, ông N1 đồng ý giao nhà và đất nên nhà cho bà Y.

Phần đất 9.480m^2, tọa lạc tại Ấp Giá Ngự, xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau bà Y yêu cầu chia là đất của cha ông là ông Lê Văn Mức chết vào năm 1963, sau đó mẹ ông có gia đình khác nên phần đất của cha mẹ để lại cho ông Lê Văn Th là chú ruột của ông quản lý dùm, đến năm 1981 ông Th mới giao lại cho ông quản lý và canh tác. Việc ông Th giao dất lại cho ông canh tác là trước khi bà Y về sống với ông. Theo ông nguồn gốc phần đất này là của cha mẹ anh để lại cho riêng ông chứ không phải là do ông và bà Y sang nhượng của ông Th như bà Y trình bày. Nên ông không đồng ý chia cho bà Y. Việc bà Y cho rằng có cố đất cho ông Mlà không đúng, ông và bà Y không có cố đất cho ông Mvà ông Trần Văn Tr (Bảy Đồng Tháp)

Về nợ chung: Vào ngày 18/11/2011 ông có thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ngân hàng NN&PT nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cái Nước vay số tiền 21.500.000đồng, ông N1 là người đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ và cũng là người đứng tên trong hợp đồng vay, thời gian này ông và bà Y đã ly hôn nhau. Đối với khoản nợ này do ông tự vay và chi xài cá nhân nên ông tự trả, ông không yêu cầu bà Y cùng với ông trả nợ ngân hàng.

- Đại diện Ngân hàng NN&PT Nông Thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Nước trình bày:

Ngày 18/11/2011 ông Lê Văn N1 có thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ do ông N1 đứng tên vay của Ngân hàng số tiền 21.500.000đồng thời hạn vay 01 năm đến ngày 18/11/2012 là hết hạn hợp đồng. Tiền lãi đến ngày 17/5/2013 là 6.313.000đồng. Tổng số tiền anh N1 nợ Ngân hàng là 27.813.000 đồng. Ngân hàng yêu cầu xác định hợp đồng vay giữa ông N1 và Ngân hàng là hợp pháp và yêu cầu ông N1, bà Y trả nợ cho Ngân hàng.

- Ông Lê Văn Th trình bày:

Ông không sang đất cho bà Y, ông N1, phần đất bà Y yêu cầu chia là đất phụ ấm của cha mẹ ông N1 để lại cho ông N1 trước khi bà Y về sống chung với ông N1. Việc bà Y cho rằng phần đất này sang của ông là hoàn toàn không đúng.

- Ông Trần Văn Tr trình bày:

Trước đây ông có cố của bà Y và ông N1 02 công đất và 01 cái đìa với giá 2 chỉ vàng 24K và 20 giạ lúa, đến khi chuyển dịch nuôi tôm thì ông N1 và bà Y chuộc lại, nay ông đã nhận đủ tiền và lúa cố nên không yêu cầu gì.

- Ông Phạm Văn M trình bày:

Ông có cố 01 phần đất 04 công với giá 04 chỉ vàng 24K, không nhớ thời gian nào, nay ông đã nhận đầy đủ số vằng cố đất và không có yêu cầu gì.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 73/2013/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Y đối với ông Lê Văn N1 về việc chia căn nhà, nhà vệ sinh và cây nước.

Buộc ông Lê Văn N1 trả cho bà Trần Thị Y ½ giá trị căn nhà, nhà vệ sinh và cây nước với số tiền là 20.000.000đồng.

Giao toàn bộ căn nhà chính có chiều ngang 06m, chiều dài 09 mét và nhà phụ có chiều ngang 3.5m, chiều dài 7,5m, nhà vệ sinh, cây nước cho ông Lê Văn N1 quản lý, sử dụng.

Bác toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị Y về việc yêu cầu ông Lê Văn N1 chia phần đất 10.430m^2 tọa lạc tại Ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh C, Giữ nguyên hiện trạng phần đất trên cho ông Lê Văn N1 quản lý sử dụng.

Buộc ông Lê Văn N1 trả cho ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Cái Nước số tiền 27.813.000đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/5/2013 bà Trần Thị Y có đơn kháng cáo yêu cầu được chia tài sản chung giữa bà Y và ông N1, cho rằng diện tích đất 10.430m^2 là tài sản chung của ông bà trong thời kỳ hôn nhân, yêu cầu được chia ½ giá trị về tài sản về đất yêu cầu được chia giá trị đất theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2013, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau kháng nghị theo hướng sửa bản án sơ thẩm về phần án phí, giảm án phí cho nguyên đơn, bị đơn.

Tại bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 64/2013/HNGĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Y. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phân chia tài sản giữa bà Trần Thị Y và ông Lê Văn N1

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau sửa án sơ thẩm về án phí.

Ngày 13/6/2017 bà Trần Thị Y có đơn đề nghị xem xét lại bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 11/5/2017, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 63/2017/KN-DS đối với bản án phúc thẩm số 64/2013/HNGĐ-PT ngày 18/10/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Đề nghị đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy một phần bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm về việc giải quyết tài sản liên quan đến phần đất diện tích 9.480m^2 tọa lạc tại ấp Giá Ngự, xã Đông Hưng, huyện Cái Nước.Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 11/2018/HNGĐ-GĐT ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận kháng nghị số 63/2017/KN-KN-DS ngày 21/3/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

Hủy một phần bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 64/2013/HNGĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau về giải quyết tài sản liên quan đến phần đất diện tích 9.480m^2 tọa lạc tại Ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh C,

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử lại phần bị hủy theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Y giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc phân chia đối với phần đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của ông bà Y, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Y, Hội đồng xét xử xét thấy:Bà Y và ông N1 chung sống với nhau từ năm 1991, không đăng ký kết hôn. Năm 2011 bà Y yêu cầu xin ly hôn với ông N1. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 68/2011/HNGĐ-ST ngày 10/6/2011 của Tòa án nhân dân huyên Cái Nước tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị Y và ông Lê Văn N1 là vợ chồng. Sau khi ly hôn, do không thỏa thuận được việc phân chia tài sản nên bà Y khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn gồm: 01 căn nhà, 01 cây nước khoan, 01 nhà vệ sinh, diện tích đất 9.480m^2 (theo đo đạc thực tế diện tích 10.430m^2) tọa lạc tại ấp Giá Ngự, xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau và phần nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện Cái Nước. Đối với phần tài sản như căn nhà, cây nước, nhà vệ sinh và phần nợ Ngân hàng, án sơ thẩm,

phúc thẩm xét xử đã có hiệu lực pháp luật nên không đặt ra xem xét. Riêng đối với phần đất diện tích 9.480m^2 theo đo đạc thực tế diện tích 10.430m^2 do Quyết đinh giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy một phần bản án phúc thẩm liên quan đến phần đất này, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử lại phần bị hủy theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét về nguồn gốc đất: Bà Y cho rằng bà Y, ông N1 nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 9.480m^2 của ông Lê Văn Th vào năm 1991, giá 50 giạ lúa. Vì không đủ lúa giao cho ông Th nên bà Y, ông N1 mới cố phần đất này cho ông Mvà ông Tr(Bảy Đồng Tháp) với giá 06 chỉ vàng 24K và 20 giạ lúa; sau này bà Y, ông N1 mới chuộc lại đất và canh tác cho đến nay. Bà Y xác định phần đất này là tài sản chung của bà Y, ông N1, nên yêu cầu phân chia cho bà Y bằng giá trị ½ phần đất. Ông N1 không thống nhất trình bày của bà Y mà xác định phần đất nêu trên là đất phụ ấm của cha mẹ ông N1 để lại trước khi ông N1, bà Y chung sống với nhau. Ông nhanh, bà Y không có sang đất của ông Th và cũng không có cố đất cho ông Phạm Văn M và ông Trần Văn Tr (Bảy Đồng Tháp) như bà Y trình bày nên ông N1 không đồng ý phân chia theo yêu cầu bà N1. Nhưng ông N1, bà Y không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Tuy nhiên , ông Trxác định trước đây ông Trcó cố của bà Y, ông N1 02 công đất và 01 cái đìa với giá 2 chỉ vàng 24K và 20 giạ lúa, đến khi chuyển dịch nuôi tôm thì ông N1, bà Y chuộc lại đất. Ông Mcũng xác định ông Mcó cố 01 phần đất 04 công với giá 04 chỉ vàng 24K, không nhớ thời gian nào, nay ông Mđã nhận đầy đủ số vàng cố đất.

Như vậy, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp này là tài sản chung của ông N1 và bà Y. Thời điểm xác lập tài sản chung được tính từ khi ông N1 và bà Y chuộc lại đất. Do đó, kháng cáo của bà Y yêu cầu chia tài sản chung là phần đất với ông N1 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế phần đất có diện tích 10.430m^2, được trừ phần diện tích gắn liền với nhà ở giao cho ông Y 80,25m^2, diện tích còn lại xem xét phân chia là 10.349,75m^2.Tại phiên tòa, bà Y, ông N1 thống nhất giá trị đất 1 công tầm lớn tức 1.296m^2 bằng 30.000.000 đồng (tương đương 1m^2 = 23.148 đồng). Phần đất tranh chấp diện tích đất 10.349,75m^2 có giá trị bằng 239.577.000 đồng (lấy tròn số).

Về nguồn gốc đất là của cha mẹ ông N1, hơn nữa án sơ thẩm, phúc thẩm đã xử buộc ông N1 trả nợ cho Ngân hàng (phần nợ chung của ông N1 và bà Y). Nên cần xem xét phân chia cho ông N1 hưởng nhiều hơn theo tỷ lệ 60%, bà Y hưởng tỷ lệ 40% là phù hợp. Do bà Y yêu cầu nhận bằng giá trị đất, còn đất giao ông N1 sử dụng, ông N1 đồng ý. Như vậy buộc ông N1 giao cho bà Y giá trị 40% của diện tích đất 10.349,75m^2 = 95.830.000 đồng. Ông N1 được hưởng giá trị 60% của diện tích đất 10.349,75m^2 = 143.747.000 đồng. Ông N1 được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế 10.430m^2 nêu trên (trong đó gồm diện tích đất gắn liền với căn nhà 80,25m^2 và diện tích đất còn lại xem xét phân chia 10.349,75m^2).

[4] Chi phí đo đạc 3.465.000 đồng, buộc bà Y phải chịu 1.386.000 đồng, ông N1 phải chịu 2.079.000 đồng. Bà Y đã dự nộp 3.465.000 đồng, buộc ông N1 hoàn trả lại cho bà Y 2.079.000 đồng.

[5] Án phí dân sự chia tài sản bà Y phải chịu 4.791.000 đồng, ông N1 phải chịu 7.187.350 đồng. Án phí dân sự phúc thẩm bà Y không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

Những quyết định khác của án sơ thẩm, phúc thẩm đã xét xử có hiệu lực pháp luật, bà Y và ông N1 xác định đã thi hành xong nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Y.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 73/2013/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Y đối với ông Lê Văn N1 về việc chia tài sản sau ly hôn đối với phần đất tọa lạc tại ấp Giá Ngự, xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Phân chia cho bà Y được hưởng 40% giá trị của diện tích đất 10.349,75m^2 bằng 95.830.000 đồng.

Phân chia cho ông N1 được hưởng 60% giá trị của diện tích đất 10.349,75m^2 bằng 143.747.000 đồng.

Buộc ông N1 có trách nhiệm giao trả cho bà Y số tiền 95.830.000 đồng của giá trị phần đất được phân chia.

Giao cho ông N1 được tiếp tục quản lý sử dụng diện dích đất theo đo đạc thực tế 10.480m^2 tọa lạc tại ấp Giá Ngự, xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (bao gồm diện tích đất gắn liền với nhà ở 80,75m^2 và diện tích đất đã xem xét phân chia 10.349,75m^2).

- Chi phí đo đạc 3.465.000 đồng; bà Y phải chịu 1.386.000 đồng, ông N1 phải chịu 2.079.000 đồng. Bà Y đã dự nộp 3.465.000 đồng, nên buộc ông N1 hoàn trả lại cho bà Y 2.079.000 đồng.

Kể từ ngày bà Y có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông N1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự chia tài sản bà Y phải chịu 4.791.500 đồng, ông N1 phải chịu 7.187.350 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm bà Y không phải chịu. Ngày 28/5/2013 bà Y đã dự nộp 200.000 đồng biên lai thu số 06477 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Huỳnh Văn Út - Huỳnh Văn Yên **Nguyễn Thành Lập**